

Số: 128/TB-UBND

Nông Công, ngày 17 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 87 lô đất thuộc điểm dân cư nông thôn tại thôn Thanh Ban và Đồng Thọ, xã Vạn Hoà, huyện Nông Công (nay thuộc xã Nông Công, tỉnh Thanh Hoá).

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ vào Nghị Quyết của Chính phủ số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết số 254/2025/QH15 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2026/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; Quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư pháp về việc ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND ngày 14/03/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp, ủy quyền thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND huyện Nông Cống về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư nông thôn tại thôn Thanh Ban và Đồng Thọ, xã Vạn Hòa, huyện Nông Cống; Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của UBND huyện Nông Cống về việc hiệu chỉnh, đính chính Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 07/6/2022;

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/03/2026 của UBND xã Nông Cống về việc phê duyệt điều chỉnh điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư nông thôn tại thôn Thanh Ban và Đồng Thọ, xã Vạn Hoà, huyện Nông Cống (nay thuộc xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá);

Căn cứ Quyết số 688/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Nông Cống về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 87 lô đất thuộc điểm dân cư nông thôn tại thôn Thanh Ban và Đồng Thọ, xã Vạn Hoà, huyện Nông Cống (nay thuộc xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá);

Căn cứ Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND xã Nông Cống về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 87 lô đất thuộc điểm dân cư nông thôn tại thôn Thanh Ban và Đồng Thọ, xã Vạn Hoà, huyện Nông Cống, thuộc Mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/03/2026 (nay thuộc xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa);

Căn cứ Quyết định 767/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa về việc đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 87 lô đất thuộc điểm dân cư nông thôn tại thôn Thanh Ban và Đồng Thọ, xã Vạn Hoà, huyện Nông Cống (nay thuộc xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá);

Căn cứ Thông báo số 117/TB-UBND ngày 10/04/2026 của UBND xã Nông Cống về việc lựa chọn tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 87 lô đất thuộc điểm dân cư nông thôn tại thôn Thanh Ban và Đồng Thọ, xã Vạn Hoà, huyện Nông Cống (nay thuộc xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá);

Trong thời gian tiếp nhận hồ sơ lựa chọn tổ chức đấu giá, có 02 đơn vị nộp hồ sơ đăng ký tham gia, bao gồm: Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú và Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn.

UBND xã Nông Cống (*Địa chỉ: 590 Đường Bà Triệu, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá*) thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN:

1. Tên tài sản: Quyền sử dụng đất ở đối với 87 lô đất thuộc điểm dân cư nông thôn tại thôn Thanh Ban và Đồng Thọ, xã Vạn Hoà, huyện Nông Cống (nay thuộc xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá).

2. Tổng giá trị quyền sử dụng đất khởi điểm của 87 lô đất giá: **65.257.744.000 đồng** (*Bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ, hai trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

3. Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn:

- Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn
- Địa chỉ: Số 111 Tân Sơn nhất, phường Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh
- Tổng số điểm: 95 điểm.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): không

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): không.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn)

| TT | NỘI DUNG | Điểm tối đa theo tiêu chí | Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú | Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------|
| I | Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | | | |
| 1. | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Đủ điều kiện | Đủ điều kiện | Đủ điều kiện |
| 2. | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Không đủ điều kiện | | |
| II | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá | 19 | 19 | 19 |
| 1. | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | 10 | 10 | 10 |
| 1.1 | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ | 5 | 5 | 5 |

| | | | | |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|----|
| | <i>sở có đủ diện tích làm việc</i> | | | |
| 1.2 | <i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i> | 5 | 5 | 5 |
| 2. | <i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i> | 5 | 5 | 5 |
| 2.1 | <i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i> | 2 | 2 | 2 |
| 2.2 | <i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i> | 3 | 3 | 3 |
| 3. | <i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i> <i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i> | 2 | 2 | 2 |
| 4. | <i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i> | 1 | 1 | 1 |
| 5. | <i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i> | 1 | 1 | 1 |
| III | <i>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả</i> | 16 | 16 | 16 |
| 1. | <i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i> | 4 | 4 | 4 |
| 1.1 | <i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i> | 2 | 2 | 2 |
| 1.2 | <i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i> | 2 | 2 | 2 |
| 2. | <i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận</i> | 4 | 4 | 4 |

| | | | | |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------|----|
| | <i>hồ sơ)</i> | | | |
| 3. | Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá | 4 | 4 | 4 |
| 3.1 | <i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i> | 2 | 2 | 2 |
| 3.2 | <i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i> | 2 | 2 | 2 |
| 4. | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá | 4 | 4 | 4 |
| IV | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản | 57 | 53,4 | 57 |
| 1. | Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) | 15 | 15 | 15 |
| 1.1 | <i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i> | 12 | | |
| 1.2 | <i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i> | 13 | | |
| 1.3 | <i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i> | 14 | | |
| 1.4 | <i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i> | 15 | 15 | 15 |
| 2. | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề | 7 | 7 | 7 |
| 2.1 | <i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i> | 4 | | |
| 2.2 | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i> | 5 | | |
| 2.3 | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i> | 6 | | |
| 2.4 | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i> | 7 | 7 | 7 |
| 3. | Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề | 7 | 7 | 7 |
| 3.1 | <i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i> | 4 | | |
| 3.2 | <i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i> | 5 | | |

| | | | | |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|------|-----|
| 3.3 | <i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i> | 6 | | |
| 3.4 | <i>Từ 50 cuộc trở lên</i> | 7 | 7 | 7 |
| 4. | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên | 3 | 2,40 | 3 |
| 4.1 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất</i> | | 2,40 | 3,0 |
| 4.2 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề</i> | | | |
| 4.3 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo</i> | | | |
| 5. | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động | 7 | 5 | 7 |
| 5.1 | <i>Có thời gian hoạt động dưới 5 năm</i> | 4 | | |
| 5.2 | <i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i> | 5 | 5 | |
| 5.3 | <i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i> | 6 | | |
| 5.4 | <i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i> | 7 | | 7 |
| 6. | Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản | 4 | 4 | 4 |
| 6.1 | <i>01 đấu giá viên</i> | 2 | | |
| 6.2 | <i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i> | 3 | | |
| 6.3 | <i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i> | 4 | 4 | 4 |
| 7. | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân | 4 | 3 | 4 |
| 7.1 | <i>Dưới 05 năm</i> | 2 | | |
| 7.2 | <i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i> | 3 | 3 | |
| 7.3 | <i>Từ 10 năm trở lên</i> | 4 | | 4 |
| 8. | Kinh nghiệm của đấu giá viên hành | 5 | 5 | 5 |

| | | | | |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|-----------|
| | nghề | | | |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 3 | | |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 4 | | |
| 8.3 | Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 5 | 5 | 5 |
| 9. | Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trừ thuế giá trị gia tăng | 5 | 5 | 5 |
| 9.1 | Dưới 50 triệu đồng | 3 | | |
| 9.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng | 4 | | |
| 9.3 | Từ 100 triệu đồng trở lên | 5 | 5 | 5 |
| V | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định | 3 | 3 | 3 |
| 1. | Tiêu chí khác: Đã từng tổ chức thành công phiên đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2025 | 3 | 3 | 3 |
| | Tổng | 95 | 91,40 | 95 |

UBND xã Nông Công thông báo công khai kết quả lựa chọn để các đơn vị nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá được biết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh (để đăng Website của UBND tỉnh);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (B/c);
- Các phòng: KT; văn phòng;
- Công TTĐT Quốc gia về ĐGTS (để đăng thông báo);
- Cổng thông tin điện tử của UBND xã (để đăng thông báo);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Phú Thịnh